

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 197/2018/DS-PT

Ngày: 09-7-2018

V/v tranh chấp yêu cầu mở
lối đi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Kim Tư

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2018/TLPT-DS ngày 11 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp yêu cầu mở lối đi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2018/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 152/2018/QĐPT-DS, ngày 28 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1935 (có mặt);

2. Bà Tạ Thị T2, sinh năm 1950;

Cùng cư trú tại: Số nhà 129C, ấp K, xã T1, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Tạ Thị T2 là: Ông Nguyễn Bá T (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 16/5/2017).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Bá T là:

Ông Nguyễn Văn T3 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:*

1. Ông Hoàng Văn T4, sinh năm 1948;

2. Bà Tạ Thị H, sinh năm 1954 (có mặt);

Cùng cư trú tại: Ấp K, xã T1, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hoàng Văn T4 là: Bà Tạ Thị H (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 16/5/2017).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Hoàng Thúy U, sinh năm 1985;

2. Anh Hoàng Thái C1, sinh năm 1976;

3. Anh Hoàng Nhật T5, sinh năm 1990;

4. Anh Hoàng Khánh D, sinh năm 1993;

Cùng cư trú tại: Ấp K, xã T1, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của chị U, anh C1, anh T5, anh D là: Bà Tạ Thị H (được ủy quyền theo các văn bản ủy quyền cùng ngày 06/6/2017).

5. Bà Tạ Thị Lệ T6, sinh năm 1963;

6. Ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1950;

Cùng cư trú tại: Ấp A, xã M, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Bà T6, ông B có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 23/6/2017 và ngày 19/12/2017.

7. Ông Tạ Quang T7, sinh năm 1957, cư trú tại: Ấp V1, xã T1, huyện C, tỉnh Bến Tre.

9. Bà Tạ Thị Thu V, sinh năm 1962, cư trú tại: Số nhà 13/7, Khu phố 5, phường Đ, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông T7, bà V có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 14/11/2017 và ngày 19/12/2017.

- *Người làm chứng (do ngU đơn triệu tập):* Bà Võ Thị Minh H1, sinh năm 1948, cư trú tại: Ấp K, xã T1, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn là bà Tạ Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Bá T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Tạ Thị T2 trình bày:

Ông T, bà T2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 497, tờ bản đồ 01 (thửa mới 159, tờ bản đồ 24), diện tích 2.656m², thửa đất này nằm phía trong phần đất của bà Tạ Thị H, ông Hoàng Văn T4. Từ nhà ông muốn ra lộ công cộng phải đi qua đất gia đình bà H rồi sang đất bà T6 và ông B, lối đi này cha mẹ của ông sử dụng để đi vào đất canh tác, năm 1994 ông cất nhà trên đất và vẫn sử dụng lối đi này mà không ai khiếu nại gì. Thời gian sau bà T6, ông B dời lối đi sang sát ranh với đất ông M1 (hướng Tây). Sau này, do hai bên xảy ra mâu thuẫn nên gia đình bà H rào lối đi lại hiện nay gia đình ông không còn lối đi nào khác để ra lộ công cộng. Ông khởi kiện yêu cầu gia đình bà H phải mở cho ông lối đi có diện tích 85,4m² (chiều ngang 1,5m) thuộc một phần thửa đất 158, tờ bản đồ 24. Ông đồng ý đền bù giá trị đất và cây trồng cho gia đình bà H theo giá hội đồng định giá đã định.

Bị đơn là bà Tạ Thị H đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Hoàng Văn T4 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Thúy U, anh Hoàng Thái C1, anh Hoàng Nhật T5, anh Hoàng Khánh D trình bày:

Ông T cho rằng lối đi qua đất của bà đã có từ lâu là không đúng sự thật, vì trước đây cha mẹ bà T2 đi lối đi khác vào đất, sau này ông T về cất nhà thì sử dụng lối đi qua đất ông T8, sau này ông T8 không cho ông T đi thì gia đình ông T lại mở lối đi trên đất người khác. Thời gian sau thì chồng của bà có cho gia đình ông T đi tạm. Lý do của việc gia đình ông T8 và bà không cho gia đình ông T đi vì con cháu ông T hay trộm cắp, phá phách tài sản của chủ đất có lối đi mà ông T lại hành hung chồng của bà, dùng lời lẽ xúc phạm, nay bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà chỉ đồng ý cho ông T đi trên lối đi sát ranh đất của bà với ông X.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Tạ Thị Lệ T6 và ông Nguyễn Ngọc B trình bày:

Ông bà đồng ý để cho gia đình ông T đi trên đất của ông bà từ hàng rào đã cắm trụ kiên cố cho hết ranh đất. Ngoài ra ông bà không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Tạ Quang T7 và bà Tạ Thị Thu V trình bày:

Việc ông T tranh chấp với bà H thì do bà H quyết định vì phần đất này đã được phân chia cho bà H nên ông bà không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2018/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Áp dụng Điều 171, 203 Luật đất đai 2013; Điều 254 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá T và bà Tạ Thị T2 về việc yêu cầu hộ ông Hoàng Văn T4 và bà Tạ Thị H tháo dỡ hàng rào và di dời cây trồng trên đất dành cho gia đình ông, bà một lối đi trên phần đất thuộc một phần thửa 158, tờ bản đồ 24, diện tích 85,4m².

Buộc hộ ông Hoàng Văn T4 và bà Tạ Thị H (hộ ông T4, bà H gồm có: Hoàng Văn T4, Tạ Thị H, Hoàng Thúy U, Hoàng Thái C1, Hoàng Nhật T5, Hoàng Khánh D) phải tháo dỡ, di dời hàng rào kẽm gai, chà tre tại phần đầu lối đi giáp đất ông T, bà T2 (thửa 159) và hàng rào chà tre tại phần giữa lối đi giáp thửa đất ông B, bà T6 (thửa 170) và di dời 01 cây dừa (khoảng 01 năm tuổi), 03 bụi chuối, 03 cây bưởi (khoảng 01 năm tuổi) ra khỏi phần lối đi dành cho hộ ông Nguyễn Bá T, bà Tạ Thị T2 một lối đi ra lộ công cộng theo đo đạc thực tế diện tích 85,4m², thuộc một phần thửa 158, tờ bản đồ 24 (thửa cũ 495, 496, tờ bản đồ số 01) có chiều ngang (cạnh giáp với thửa 195 đất của ông T, bà T2 là 1,5m, các đoạn của cạnh còn lại theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất), chiều dài (cạnh hướng Bắc và hướng Tây: 3,56m + 4,97m + 3,62m + 3,63m + 1,98m + 5,49m + 1,47m + 1,91m + 4,47m + 1,69m + 2,27m + 2,24m + 2,18m + 33,63m; cạnh hướng Nam và hướng Đông: 1,94m + 2,69m + 8,13m + 4,11m + 4,36m + 5,47m + 3,29m + 1,34m + 4,22m + 2,52m + 1,27m + 35,27m) tại: Ấp K, xã T1, huyện C, tỉnh Bến Tre do ông Tạ Văn T9 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện do hộ bà H, ông T4 đang quản lý, sử dụng.

Ghi nhận việc bà Tạ Thị Lệ T6, ông Nguyễn Ngọc B tự nguyện cho hộ ông T, bà T2 và các hộ phía trong mở lối đi trên phần đất của ông bà thuộc thửa 170, tờ bản đồ 24, diện tích 155,3m².

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

Hộ ông Nguyễn Bá T, bà Tạ Thị T2 được tạo điều kiện thuận lợi sử dụng phần lối đi như trên nhưng không được gây thiệt hại đến tài sản của người khác.

Ghi nhận ông Nguyễn Bá T, bà Tạ Thị T2 tự nguyện liên đới bồi thường cho ông Hoàng Văn T4, bà Tạ Thị H quyền sử dụng đất, cây trồng trên đất trị giá bằng tiền là: Đất trị giá 12.810.000 đồng + cây trồng tổng cộng là 390.000 đồng. Tổng cộng chung là 13.200.000 đồng (mười ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/4/2018 bị đơn bà Tạ Thị H kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2018/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C vì phần lối đi mà Tòa án cấp sơ thẩm xác định nằm giữa đất của bà, phần bên ngoài lối đi còn khoảng 300m² nên không sử dụng được, yêu cầu ông T dời lối đi qua phần nương ranh giáp đất ông Tạ Phùng X, bà không nhận 13.000.000 đồng mà yêu cầu ông T dùng số tiền đó bơm cát lấp nương và xây hàng rào cao 02 mét.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 07/11/2017 thể hiện lối đi qua đất bà Tạ Thị H sau đó qua đất bà Tạ Thị Lệ T6 rồi đến lộ công cộng, phần lối đi ông T yêu cầu không qua phần đất của ông Tạ Văn M1, việc bị đơn kháng cáo yêu cầu dời lối đi qua phần nửa nương ranh giáp đất ông Tạ Phùng X nhưng phần nương ranh này rộng khoảng 2m, phía ông X không đồng ý cho ông T bơm cát, việc kè bờ bơm cát nửa nương ranh để làm lối đi không thể thực hiện được và bà H cũng không đồng ý dời lối đi ra phần đất sát ranh vì cho rằng phần đất sát ranh có cây trồng và bụi tre góp phần thu nhập cho gia đình bà nên phần lối đi theo bản án sơ thẩm là hợp lý nhất, hạn chế thiệt hại cho chủ sử dụng đất có lối đi nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự;.

Về nội dung: Theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 07/11/2017 thì Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc bị đơn mở lối đi trên diện tích 85,4m², phần lối đi này có mở lấn sang thửa 170 của bà Tạ Thị Lệ T6 nên không thể buộc bà H mở lối đi cho nguyên đơn được, mặc khác họa đồ nêu trên không xác định diện tích lối đi lấn qua thửa 170 là bao nhiêu m². Căn cứ vào Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thì gia đình ông T còn có lối đi khác ra đường công cộng gần hơn nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đo vẽ lối đi nào thuận tiện nhất. Trong khi đó, bị đơn cũng trình bày khi mở lối đi qua đất bị đơn thì gia đình ông T cũng không ra đến đường công cộng như vậy thì phải qua thửa đất nào nữa để đến đường công cộng. Lối đi mà Tòa án cấp sơ thẩm mở theo yêu cầu của nguyên đơn ra đường công cộng còn phải qua thửa đất 157 của ông Tạ Văn M1 và thửa đất 134 của ông

Nguyễn Văn L, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ đường đất này có phải là lối đi công cộng hay không hay vẫn thuộc quyền sử dụng đất của ông M1, ông L. Nếu đường đi được mở qua đất bà T6 thì phải qua đất của những người này nên phải đưa họ vào tham gia tố tụng để lấy ý kiến thì mới giải quyết được toàn diện vụ án. Do Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, cấp phúc thẩm không thể bổ sung được nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm, chuyển hồ sơ để Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của bà Tạ Thị H và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn là ông Nguyễn Bá T và bà Tạ Thị T2 có nhà ở và phần đất thuộc thửa 159, tờ bản đồ số 24, diện tích 2.656m² tọa lạc vị trí phía trong liền kề đất phía ngoài là thửa 158, tờ bản đồ số 24 của bị đơn là bà Tạ Thị H và ông Hoàng Văn T4, đất tọa lạc tại xã T1, huyện C, tỉnh Bến Tre. Phía nguyên đơn cho rằng từ nhà ra lộ công cộng phải qua đất của bà H và bà T6, từ lâu đã sử dụng lối đi trên đất bà H, nhưng sau này xảy ra mâu thuẫn nên gia đình bà H đã rào lối đi này không cho phía nguyên đơn sử dụng.

Phía bị đơn cho rằng trước đây có cho phía nguyên đơn sử dụng tạm lối đi trên đất của bị đơn để ra đường công cộng, nhưng quá trình sử dụng lối đi thì nguyên đơn đã phá hoại cây trồng trên đất nên bà không cho nguyên đơn sử dụng lối đi, phía bị đơn không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu của nguyên đơn. Phía bị đơn chỉ đồng ý cho phía nguyên đơn bơm cát san lấp để đi phần đất sát ranh đất của ông Tạ Phùng X và xây hàng rào cao 02m.

[2] Bị đơn cho rằng các nguyên đơn có lối đi khác thuận tiện hơn qua đất của ông Lê Văn T8 hoặc qua đất của bà Tạ Thị Thanh T10 hay qua đất ông Nguyễn Ngọc N một đoạn chung khoảng 70m nhưng các hộ này không đồng ý mở lối đi cho gia đình ông T và các lối đi bị đơn trình bày thì không có lối đi mòn và không phải là lối đi chung.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm bà H trình bày chỉ đồng ý cho gia đình ông T sử dụng lối đi là phần nửa nương sát ranh đất ông Tạ Phùng X, bà H cho rằng gia đình ông T có thể bơm cát san lấp nương để làm lối đi và xây hàng rào cao 02m. Tuy nhiên, phần lối đi mà bà H đồng ý mở là một nương nước có chiều rộng khoảng 02m thuộc nương ranh giữa đất của gia đình bà H và đất của ông Tạ Phùng X. Việc bơm cát và kẻ một nửa nương ranh

làm lối đi là không thể thực hiện được. Bà H cho rằng lối đi theo bản án dân sự sơ thẩm là giữa đất của bà và phần phía ngoài giáp đất ông X còn lại diện tích khoảng 300m² là không thể sử dụng, nhưng bà H lại không đồng ý dời phần lối đi ra phần bờ đất giáp nương ranh vì cho rằng trên đất có cây trồng và bụi tre mang lại nguồn thu nhập kinh tế cho gia đình bà.

[4] Xét thấy, phần lối đi tranh chấp có diện tích 85,4m², thuộc một phần thửa 158, tờ bản đồ số 24, do bà Tạ Thị H và ông Hoàng Văn T4 quản lý, sử dụng. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/7/2017 thì nguyên đơn không có lối đi nào khác và theo họa đồ hiện trạng đất ngày 07/11/2017 thể hiện lối đi dành cho phía nguyên đơn chỉ qua phần đất của bà H và đất của bà Tạ Thị Lệ T6 là ra đến đường nông thôn (lộ công cộng) chứ không còn qua đất của người khác như quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Trên lối đi yêu cầu mở không có công trình kiến trúc, chỉ có một cây dừa, 03 bụi chuối và 03 cây bưởi (đều 01 năm tuổi), lối đi này được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, số cây trồng di dời được. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn yêu cầu của nguyên đơn và buộc phía bị đơn mở lối đi và buộc phía nguyên đơn bồi thường giá trị lối đi và giá trị cây trồng cho phía bị đơn theo bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2018/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc hủy bản án sơ thẩm là không cần thiết và không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Về chi phí đo đạc, định giá là 1.350.000 đồng bà Tạ Thị H, ông Hoàng Văn T4 phải liên đới chịu nhưng do ông Nguyễn Bá T đã nộp xong nên ông T4, bà H phải liên đới trả cho ông T số tiền 1.350.000 đồng.

[6] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định người cao tuổi là thuộc diện được miễn nộp tiền án phí. Do ông Hoàng Văn T4, bà Tạ Thị H, ông Nguyễn Bá T, bà Tạ Thị T2 thuộc diện người cao tuổi nên được miễn nộp.

Ông Nguyễn Bá T, bà Tạ Thị T2 được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và án phí có giá ngạch. Hoàn tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho ông T, bà T2 là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009962 ngày 17/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Ông Hoàng Văn T4 và bà Tạ Thị H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

- Ân phí dân sự phúc thẩm: Bà Tạ Thị H được miễn nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Tạ Thị H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2018/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 171, 203 Luật đất đai 2013; Điều 254 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp yêu cầu mở lối đi của nguyên đơn là ông Nguyễn Bá T, bà Tạ Thị T2 với bị đơn là ông Hoàng Văn T4, bà Tạ Thị H.

Buộc hộ ông Hoàng Văn T4, bà Tạ Thị H, chị Hoàng Thúy U, anh Hoàng Thái C1, anh Hoàng Nhật T5, anh Hoàng Khánh D phải có nghĩa vụ mở cho hộ ông Nguyễn Bá T, bà Tạ Thị T2 một lối đi ra lộ công cộng theo đo đạc thực tế diện tích 85,4m², thuộc một phần thửa 158, tờ bản đồ 24 (thửa cũ 495, 496, tờ bản đồ số 01) có chiều ngang (cạnh giáp với thửa 195 đất của ông T, bà T2 là 1,5m, các đoạn của cạnh còn lại theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất), chiều dài (cạnh hướng Bắc và hướng Tây: 3,56m + 4,97m + 3,62m + 3,63m + 1,98m + 5,49m + 1,47m + 1,91m + 4,47m + 1,69m + 2,27m + 2,24m + 2,18m + 33,63m; cạnh hướng Nam và hướng Đông: 1,94m + 2,69m + 8,13m + 4,11m + 4,36m + 5,47m + 3,29m + 1,34m + 4,22m + 2,52m + 1,27m + 35,27m), tọa lạc tại: Ấp K, xã T1, huyện C, tỉnh Bến Tre do ông Tạ Văn T9 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện do hộ bà H, ông T4 đang quản lý, sử dụng.

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

Buộc hộ ông Hoàng Văn T4 và bà Tạ Thị H, chị Hoàng Thúy U, anh Hoàng Thái C1, anh Hoàng Nhật T5, anh Hoàng Khánh D phải tháo dỡ, di dời hàng rào kẽm gai, chà tre tại phần đầu lối đi giáp đất ông Nguyễn Bá T, bà Tạ Thị T2 (thửa 159) và hàng rào chà tre tại phần giữa lối đi giáp thửa đất ông Nguyễn Ngọc T7, bà Tạ Thị Lệ T6 (thửa 170) và di dời 01 cây dừa (khoảng 01 năm tuổi), 03 bụi chuối, 03 cây bưởi (khoảng 01 năm tuổi) ra khỏi phần lối đi dành cho hộ ông Nguyễn Bá T, bà Tạ Thị T2.

Buộc ông Nguyễn Bá T, bà Tạ Thị T2 có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Hoàng Văn T4, bà Tạ Thị H số tiền 13.200.000 đồng (trong đó gồm giá trị đất 12.810.000 đồng và giá trị cây trồng là 390.000 đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất đối với hộ ông Hoàng Văn T4 và bà Tạ Thị H, chị Hoàng Thúy U, anh Hoàng Thái C1, anh Hoàng Nhật T5, anh Hoàng Khánh D đối với phần diện tích làm lối đi mà ông Nguyễn Bá T, bà Tạ Thị T2 được quyền sử dụng.

Ông Nguyễn Bá T, bà Tạ Thị T2 được quyền sử dụng hạn chế quyền sử dụng đất của hộ ông Hoàng Văn T4 và bà Tạ Thị H, chị Hoàng Thúy U, anh Hoàng Thái C1, anh Hoàng Nhật T5, anh Hoàng Khánh D đối với phần lối đi mà ông Nguyễn Bá T, bà Tạ Thị T2 được sử dụng và tuân thủ các điều kiện đảm bảo trong quá trình sử dụng đất của các bên mà pháp luật quy định.

Ghi nhận việc bà Tạ Thị Lệ T6, ông Nguyễn Ngọc T7 tự nguyện cho hộ ông Nguyễn Bá T, bà Tạ Thị T2 và các hộ phía trong mở lối đi trên phần đất của ông T7, bà T6 thuộc thửa 170, tờ bản đồ 24, diện tích 155,3m², tọa lạc tại: xã T1, huyện C, tỉnh Bến Tre để đi ra lộ công cộng (có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

Hộ ông Nguyễn Bá T, bà Tạ Thị T2 được tạo điều kiện thuận lợi sử dụng phần lối đi như trên nhưng không được gây thiệt hại đến tài sản của người khác.

Về chi phí đo đạc, định giá là 1.350.000 đồng bà Tạ Thị H, ông Hoàng Văn T4 phải liên đới chịu nhưng do ông Nguyễn Bá T đã nộp xong nên ông Hoàng Văn T4, bà Tạ Thị H phải liên đới trả cho ông Nguyễn Bá T số tiền 1.350.000 đồng (một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hoàng Văn T4, bà Tạ Thị H được miễn nộp.

Ông Nguyễn Bá T, bà Tạ Thị T2 được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho ông T, bà T2 là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009962 ngày 17/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Tạ Thị H được miễn nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ngọt